

Số: 42/2021/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 24 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần T; sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 3, xã Giang Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Võ Thị L; sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 6, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần T và chị Võ Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Trần T và chị Võ Thị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống với nhau không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần T và chị Võ Thị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần T và chị Võ Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không

trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần T và chị Võ Thị L.

[2] Về con chung và việc nuôi con: Anh Trần T và chị Võ Thị L công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 24/6/2015 và Trần Ngọc A, sinh ngày 10/9/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Trần T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc H và giao cho chị Võ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc A. Anh Trần T và chị Võ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần T và chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trần T và chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần T và chị Võ Thị L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và việc nuôi con:** Anh Trần T và chị Võ Thị L công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 24/6/2015 và Trần Ngọc A, sinh ngày 10/9/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Trần T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc H và giao cho chị Võ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc A. Anh Trần T và chị Võ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Anh Trần T và chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Trần T và chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Trần T và chị Võ Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Trần T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001096 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Võ Thị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001097 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế nên nay không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường 10, quận Tân Bình, TP.HCM (ĐKKH ngày 06/12/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú